TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/9/2017.
V/v: "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Trúc**.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Nguyễn Văn Thử**.

2. Bà **Châu Thị Chúc**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Cẩm Minh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Võ Văn Thuận**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 103/2017/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2017 về "*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu S**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ số: Số 305, ấp C, thị trấn X, huyện X, tỉnh S.

- Bị đơn: Anh **Dư Minh T**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ số: Số 207, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 13/6/2017, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Thu S trình bày:

Vào ngày 24/02/2014 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành ban hành Quyết định số 08/2014/QĐST-HNGĐ công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu S với anh Dư Minh T.

Về con chung: Chị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dư Nhật T, sinh ngày 13/10/2011; anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dư Hữu N, sinh ngày 30/3/2005; chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Nhưng hiện nay cháu Dư Hữu N đã qua chung sống với chị S, nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết Tranh chấp về thay đổi cho chị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với bị đơn Dư Minh T: Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tống đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Anh T đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng anh T đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tung dân sư tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

- Về nội dung:

[1] Xét thấy tại Quyết định số 08/2014/QĐST-HNGĐ, ngày 24/02/2014, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu S với anh Dư Minh T.

Về con chung: Chị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dư Nhật T, sinh ngày 13/10/2011; anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dư Hữu N, sinh ngày 30/3/2005; chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2] Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Dư Hữu N ngày 20/7/2017, cháu trình bày rằng sau khi nghỉ hè vào đầu tháng 5 đến nay cháu N đã qua chung sống với chị S, vì cha cháu (anh T) thường xuyên đi làm ăn xa, không có điều kiện chăm sóc cháu, nay cháu xin được sống với mẹ (chị S); tại biên bản xác minh ngày 02/8/2017 ông Dư Hùng C là cha của anh T trình bày là anh T thường đi làm ăn xa nên 01 hoặc 02 tháng mới về 01 lần, hàng ngày cháu N do ông chăm sóc. Xét điều kiện của chị S hiện nay có nơi làm việc, có thu nhập ổn định, nơi làm gần nhà nên có điều kiện chăm sóc cháu N; hơn nữa cháu N hiện nay đã chuyển về trường Trung học cơ sở X học và chung sống với chị S.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy anh T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị S tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp; chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên nguyên đơn phải chịu 300.000đ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 81, khoản 3 Điều 82; Điều 83; điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Thu S "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" với bị đơn Dư Minh T.

Thay đổi người trực tiếp nuôi con chung từ anh Dư Minh T sang cho chị Trần Thị Thu S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dư Hữu N sinh ngày 30/3/2005 đến trưởng thành; hiện nay cháu N đang ở cùng chị S; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh T.

Chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn S phải chị 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), được trừ đi số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006897 ngày 13/6/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *UBND xã N;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trúc